TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST-DS	*Chư Sê, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam

Địa chỉ:Tháp BIDV, 35 Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nam D – Phó Giám đốc phòng giao dịch Chư S thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai.

Địa chỉ: 802 Hùng V, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn*:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1981.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn xx, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai

Chị Trần Thị L, anh Phạm Văn C uỷ quyền tham gia tố tụng cho chị Trần Thị D bằng văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả:

Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thông qua phòng giao dịch

Chư S thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai là tổng số tiền là 474.114.571 đồng *(Bốn trăm bảy mươi tư triệu, một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).* Trong đó nợ gốc: 441.542.508 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/11/2018 là 32.572.063 đồng.

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần vào ngày 15/12/2018.

Nếu đến thời hạn trên mà chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể gồm những tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1344,0 m^2, thửa số đất 105, tờ bản đồ số 19 tại Thôn Kte , xã H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai đã có Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753294 ngày 26/10/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp mang tên Trần Thị D (ngày 14/11/2016 chị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho chị Lài).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 9563,0 m^2, thửa số 34, tờ bản đồ số 27, tại Thôn Kte x, xã HB, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai đã có Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753295 ngày 26/10/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp mang tên Trần Thị D (ngày 14/11/2016 chị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho chị Lài).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 12143,0 m^2, thửa số 118, tờ bản đồ số 19 tại Thôn Kx, xã HB, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai đã có Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753296 ngày 26/10/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp mang tên Trần Thị D (ngày 14/11/2016 chị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho chị Lài).

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thông qua phòng giao dịch Chư Sê thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai có nghĩa vụ trả cho bà chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C: Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753294 ngày 26/10/2016; Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753295 ngày 26/10/2016; Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753296 ngày 26/10/2016 mang tên Trần Thị D (ngày 14/11/2016 bà D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Lài) khi chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.482.291 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng) {[20.000.000 đồng + 4% x (474.114.571 đồng – 400.000.000 đồng)]: 2 }.

Hai bên đương sự thỏa thuận chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thông qua phòng giao dịch Chư Sê thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 11.246.824 đồng đã nộp theo Biên lai số 0007621 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

"Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Ngọc Tú

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

…….....…….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).